

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày	8,230 VNĐ		
31/12/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.7%	-9.8%	-

2024			
DT thuần	7,137	YoY	▼ 84.0
	tỷ VNĐ		▼ 1.2%

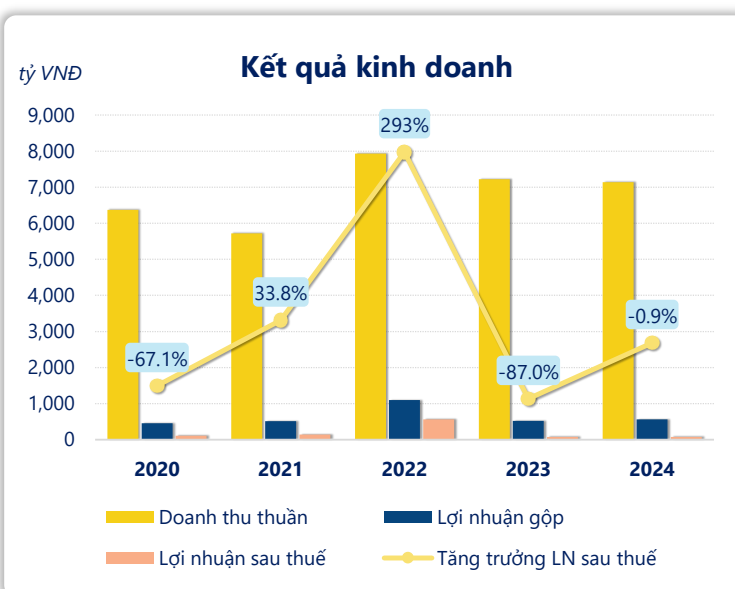
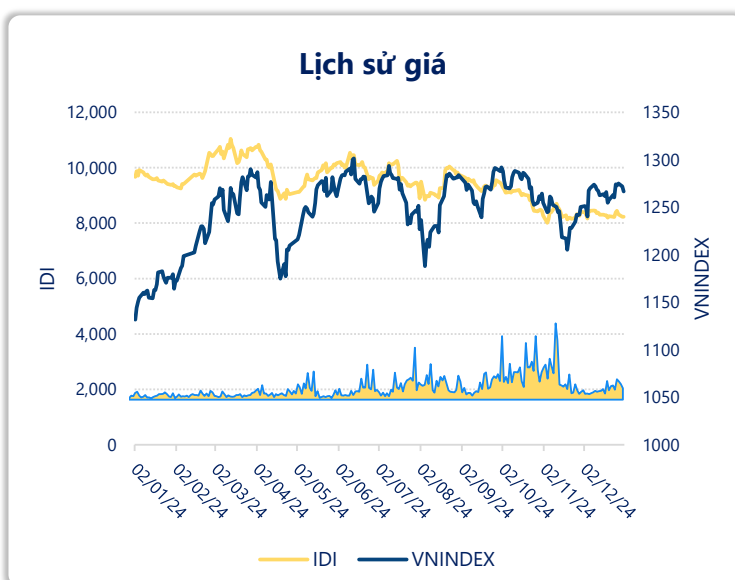
2024			
LN gộp	559	YoY	▲ 34.0
	tỷ VNĐ		▲ 6.5%

2024			
LN thuần	106	YoY	▼ 3.00
	tỷ VNĐ		▼ 2.1%

2024			
LN sau thuế	72.7	YoY	▼ 0.70
	tỷ VNĐ		▼ 0.9%

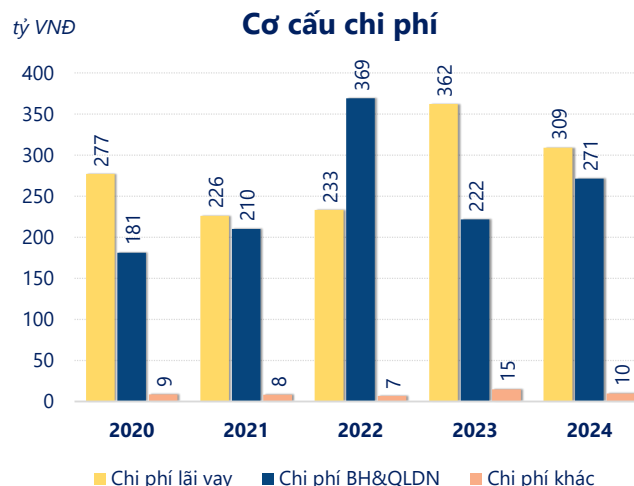
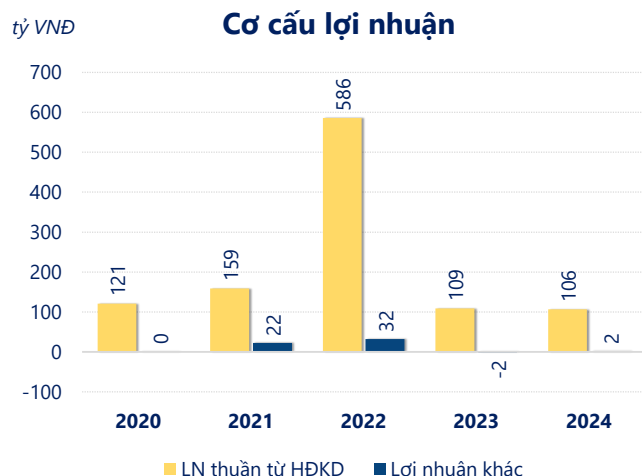
2024			
ROE	1.8%		

2024			
ROA	0.7%		



Kết quả kinh doanh **IDI** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **7,137** tỷ đồng **giảm 1.17%**, lợi nhuận sau thuế đạt **72.68** tỷ đồng **giảm 0.92%**.

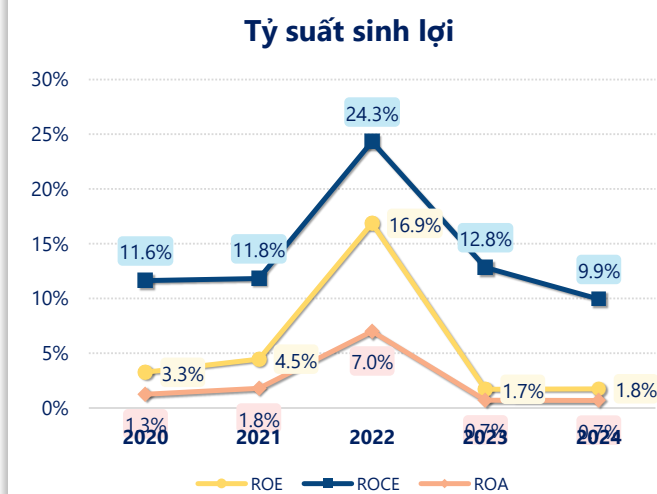
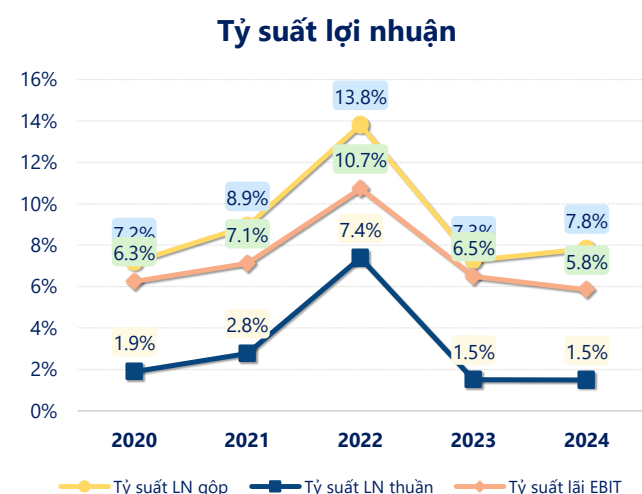
Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **1.75%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.



Năm **2024**, IDI có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **106.5** tỷ đồng, **giảm đi 2.28** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (216.2 tỷ đồng) là 109.7 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **309.1** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên**, ở mức **271.2** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác bằng 9.82** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của IDI năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **1.75%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.



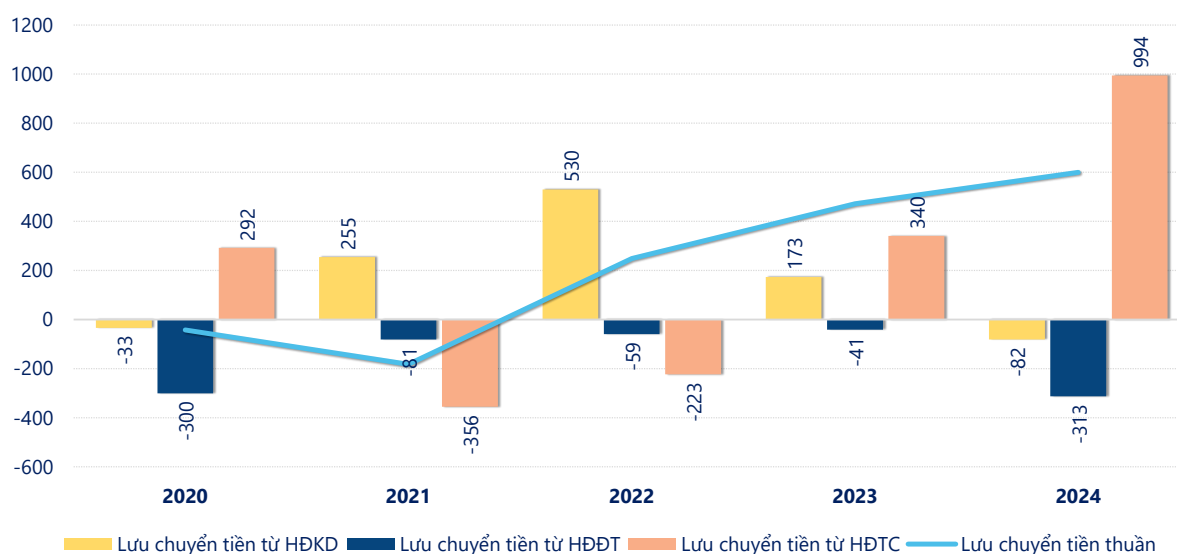
KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)

	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	6,367	5,719	7,931	7,221	7,137
Giá vốn hàng bán	5,909	5,208	6,836	6,697	6,578
Lợi nhuận gộp	457	511	1,095	525	559
Doanh thu HĐTC	133	95.8	167	218	179
Chi phí TC	288	237	308	412	360
Chi phí lãi vay	277	226	233	362	309
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	141	172	308	132	189
Chi phí QLDN	39.7	38.0	61.0	89.8	82.4
LN thuần từ HĐKD	121	159	586	109	106
Lợi nhuận khác	0.21	22.3	32.1	-1.60	1.68
LN trước thuế	121	181	618	107	108
Lợi nhuận sau thuế	107	143	563	73.4	72.7
LNST của CĐ cty mẹ	95.9	137	547	57.8	60.5

tỷ VNĐ

Lưu chuyển tiền



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của IDI bằng **599.7** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (471.8 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-81.59** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-312.6** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **994.0** tỷ đồng.